

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TỔNG HỢP NHU CẦU KẾ HOẠCH DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT
97/2022/NQ-HĐND NĂM 2023

(Kèm theo công văn số...../STNMT-MT ngày / /2023 của Sở TN và MT)

DVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Cụ thể các chính sách						
			Hỗ trợ đối với cấp xã					Hỗ trợ mua xe cuốn ép rác	Hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng ngoài hàng rào
			Tổng cộng	Tuyên truyền	Chế phẩm tại hố ủ rác hữu cơ	Thùng gom rác chuyên dụng	Chế phẩm tại bãi tập kết/trung chuyển		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng cộng	13,240	7,040	4,120	510	1,340	1,070	6,200	-
1	Kỳ Anh	2,300	1,300	400	300	400	200	1,000	-
2	TX Kỳ Anh	220	220	220	-	-	-	-	-
3	Cẩm Xuyên	1,160	460	460	-	-	-	700	-
4	TP Hà Tĩnh	300	300	300	-	-	-	-	-
5	Thạch Hà	1,240	740	440	-	-	300	500	-
6	Can Lộc	360	360	360	-	-	-	-	-
7	Lộc Hà	60	60	60	-	-	-	-	-
8	TX Hồng Lĩnh	195	195	120	15	60	-	-	-
9	Nghi Xuân	470	470	320	30	60	60	-	-
10	Đức Thọ	1,945	545	320	105	-	120	1,400	-
11	Hương Sơn	2,550	1,150	500	30	400	220	1,400	-
12	Hương Khê	740	740	420	30	220	70	-	-
13	Vũ Quang	1,700	500	200	-	200	100	1,200	-

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 97/2022/NQ-HĐND NĂM 2023

(Kèm theo công văn số...../STNMT-MT ngày / /2023 của Sở TN và MT)

DVT: triệu đồng

TT	Địa phương	Văn bản đề xuất lần 1	Văn bản rà soát lại lần 2	Đề xuất của các huyện, thị xã, thành phố	Kết quả rà soát, thẩm định	Ghi chú
	Tổng cộng	13 địa phương	7 địa phương	15,165	13,240	
1	Kỳ Anh	185/UBND-TNMT ngày 15/2/2023	486/UBND-TNMT ngày 30/3/2023	2,800	2,300	Không hỗ trợ xe cuốn ép rác cho 1 đối tượng không đủ điều kiện hỗ trợ (cụm 3 có quy mô dân số <40.000 dân)
2	TX Kỳ Anh	410/UBND-TNMT ngày 01/3/2023		220	220	
3	Cẩm Xuyên	504/UBND-TNMT ngày 28/2/2023	590/UBND-TNMT ngày 06/3/2023	1,775	1,160	Không hỗ trợ chế phẩm cho mô hình ủ rác hữu cơ tập trung và chế phẩm khử mùi tại các bãi tập kết/trạm trung chuyển do không xác định rõ đối tượng và không xác định điều kiện hỗ trợ
4	TP Hà Tĩnh	333/UBND-TNMT ngày 24/02/2023	554/UBND-TNMT ngày 16/3/2023	300	300	
5	Thạch Hà	256/UBND-TNMT ngày 15/2/2023	426/UBND-TNMT ngày 08/3/2023	1,240	1,240	
6	Can Lộc	529/BC-UBND ngày 13/2/2023		1,170	360	Không hỗ trợ chế phẩm cho mô hình ủ rác hữu cơ tập trung; thùng chuyên dụng và chế phẩm khử mùi tại các bãi tập kết/trạm trung chuyển do không xác định rõ đối tượng và không xác định điều kiện hỗ trợ
7	Lộc Hà	226/UBND-TNMT ngày 17/2/2023		60	60	

TT	Địa phương	Văn bản đề xuất lần 1	Văn bản rà soát lại lần 2	Đề xuất của các huyện, thị xã, thành phố	Kết quả rà soát, thẩm định	Ghi chú
8	TX Hồng Lĩnh	340/UBND-TNMT ngày 8/3/2023	489/UBND-TNMT ngày 27/3/2023	195	195	
9	Nghi Xuân	677/UBND-TNMT ngày 02/3/2023		470	470	
10	Đức Thọ	265/UBND-TNMT ngày 13/2/2023	466/UBND-TNMT ngày 08/3/2023	1,945	1,945	
11	Hương Sơn	170/UBND-TNMT ngày 13/02/2023	336/UBND-TNMT ngày 08/3/2023	2,550	2,550	
12	Hương Khê	248/BC-UBND ngày 16/2/2023		740	740	
13	Vũ Quang	164/UBND-TNMT ngày 16/2/2023	439/UBND-TNMT ngày 03/4/2023	1,700	1,700	Không đủ điều kiện hỗ trợ công trình hạ tầng ngoài hàng rào

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHI TIẾT KẾT QUẢ RÀ SOÁT NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THEO NGHỊ QUYẾT 97/2022/NQ-HĐND

(Kèm theo công văn số...../STNMT-MT ngày / /2023 của Sở TN và MT)

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng cộng		Hỗ trợ hoạt động tuyên truyền		Chế phẩm tại mô hình ủ rác tập trung		Thùng chuyên dụng gom rác		Chế phẩm sinh học khử mùi		Xe cuốn ép rác		Hạ tầng ngoài hàng rào	
		Kinh phí đề xuất	Kết quả rà soát, thẩm định của Sở TNMT	Kinh phí đề xuất	Kết quả rà soát, thẩm định của Sở TNMT	Kinh phí đề xuất	Kết quả rà soát, thẩm định của Sở TNMT	Kinh phí đề xuất	Kết quả rà soát, thẩm định của Sở TNMT	Kinh phí đề xuất	Kết quả rà soát, thẩm định của Sở TNMT	Kinh phí đề xuất	Kết quả rà soát, thẩm định của Sở TNMT	Kinh phí đề xuất	Kết quả rà soát, thẩm định của Sở KHĐT
A	B	(1) = (3) + (5) + (7) + (9) + (11) + (13)	(2) = (4) + (6) + (8) + (10) + (12) + (14)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Tổng cộng	15,165	13,240	4,120	4,120	795	510	1,700	1,340	1,850	1,070	6,700	6,200	-	-
1	Kỳ Anh	2,800	2,300	400	400	300	300	400	400	200	200	1,500	1,000	0	0
2	TX Kỳ Anh	220	220	220	220	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Cẩm Xuyên	1,775	1,160	460	460	15	0	0	0	600	0	700	700	0	0
4	TP Hà Tĩnh	300	300	300	300	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thạch Hà	1,240	1,240	440	440	0	0	0	0	300	300	500	500	0	0
6	Can Lộc	1,170	360	360	360	270	0	360	0	180	0	0	0	0	0
7	Lộc Hà	60	60	60	60	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	TX Hồng Lĩnh	195	195	120	120	15	15	60	60	0	0	0	0	0	0
9	Nghi Xuân	470	470	320	320	30	30	60	60	60	60	0	0	0	0
10	Đức Thọ	1,945	1,945	320	320	105	105	0	0	120	120	1,400	1,400	0	0
11	Hương Sơn	2,550	2,550	500	500	30	30	400	400	220	220	1,400	1,400	0	0
12	Hương Khê	740	740	420	420	30	30	220	220	70	70	0	0	0	0
13	Vũ Quang	1,700	1,700	200	200	0	0	200	200	100	100	1,200	1,200	0	0

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ KINH PHÍ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN

(Kèm theo công văn số...../STNMT-MT ngày / /2023 của Sở TN và MT)

Mức hỗ trợ: 20 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm

ĐVT: triệu đồng

STT	Huyện	Đăng ký của địa phương			Kết quả rà soát		
		Đối tượng đăng ký hỗ trợ	Số lượng	Kinh phí đề xuất	Số lượng	Kinh phí sau rà soát	Ghi chú
1	Kỳ Anh	UB Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tại 20 xã/thị trấn trên địa bàn huyện	20	400	20	400	
2	TX Kỳ Anh	UB Mặt trận, Hội Phụ nữ và các tổ chức chính trị - xã hội tại 11 xã/phường trên địa bàn	11	220	11	220	
3	Cẩm Xuyên	UB Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tại 23 xã/thị trấn trên địa bàn huyện	23	460	23	460	
4	TP Hà Tĩnh	UB Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tại 15 xã/phường trên địa bàn	15	300	15	300	
5	Thạch Hà	UB Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tại 22 xã/thị trấn trên địa bàn huyện	22	440	22	440	
6	Can Lộc	UB Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tại 18 xã/thị trấn trên địa bàn huyện	18	360	18	360	
7	Lộc Hà	UB MTTQ xã Thạch Kim và xã Bình An; Hội LHPN xã Hộ Độ	3	60	3	60	
8	TX Hồng Lĩnh	UB Mặt trận, Hội Phụ nữ và các tổ chức chính trị - xã hội tại 6 xã/phường trên địa bàn	6	120	6	120	
9	Nghi Xuân	UB mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội các xã Cương Gián, Đan Trường, Xuân Giang, Xuân Hải, Xuân Hồng, Xuân Liên, Xuân Lĩnh, Xuân Phổ, Xuân Thành, Xuân Viên, Xuân Mỹ, Xuân Yên, Cổ Đạm, Xuân Lam, Tiên Điền, TT Xuân An	16	320	16	320	
10	Đức Thọ	UB Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tại 16 xã/thị trấn trên địa bàn huyện	16	320	16	320	
11	Hương Sơn	UB Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tại 25 xã/thị trấn trên địa bàn huyện	25	500	25	500	
12	Hương Khê	Hội Liên hiệp phụ nữ 21 xã, thị trấn trên địa bàn huyện	21	420	21	420	

13	Vũ Quang	UB Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tại 10 xã/thị trấn trên địa bàn huyện	10	200	10	200	
	Tổng cộng		206	4120	206	4120	

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ MUA CHẾ PHẨM SINH HỌC TẠI MÔ HÌNH Ủ RÁC HỮU CƠ TẬP TRUNG

(Kèm theo công văn số...../STNMT-MT ngày / /2023 của Sở TN và MT)

Mức hỗ trợ: 70% kinh phí mua chế phẩm sinh học để ủ phân từ rác thải hữu cơ và xử lý mùi, tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình/năm

DVT: triệu đồng

Điều kiện: hỗ trợ mô hình ủ rác hữu cơ tập trung quy mô 1 tấn/ngày

STT	Huyện	Đăng ký của địa phương			Kết quả rà soát		
		Đối tượng đăng ký hỗ trợ	Số lượng	Kinh phí đề xuất	Số lượng	Kinh phí sau rà soát	Ghi chú
1	Kỳ Anh	Hỗ trợ UBND các xã/thị trấn trên địa bàn thực hiện mô hình ủ rác hữu cơ trên địa bàn	20	300	20	300	
2	TX Kỳ Anh	Không đăng ký	0	0	0	0	
3	Cẩm Xuyên	Hỗ trợ UBND xã Cẩm Trung thực hiện mô hình ủ rác hữu cơ tại các điểm tập trung (7 điểm xử lý rác hữu cơ trên địa bàn xã)	1	15	0	0	Không đáp ứng điều kiện mô hình ủ rác hữu cơ tập trung quy mô 1 tấn/ngày
4	TP Hà Tĩnh	Không đăng ký					
5	Thạch Hà	Không đăng ký					
6	Can Lộc	Đơn vị được giao quản lý mô hình ủ phân hữu cơ	18	270			Chưa làm rõ 18 mô hình ở 18 xã có đáp ứng điều kiện quy mô xử lý 1 tấn/ngày không? (Huyện chưa có VB đăng ký lại sau khi Sở TNMT có VB yêu cầu)
7	Lộc Hà	Không đăng ký					
8	TX Hồng Lĩnh	Mô hình ủ phân hữu cơ của BQL chợ thị xã Hồng Lĩnh	1	15	1	15	
9	Nghi Xuân	Đơn vị được giao quản lý mô hình ủ phân hữu cơ tập trung trên địa bàn xã Xuân Hồng và Xuân Yên	2	30	2	30	

STT	Huyện	Đăng ký của địa phương			Kết quả rà soát		
		Đối tượng đăng ký hỗ trợ	Số lượng	Kinh phí đề xuất	Số lượng	Kinh phí sau rà soát	Ghi chú
10	Đức Thọ	Đơn vị được giao quản lý mô hình ủ phân hữu cơ tập trung trên địa bàn các xã Thanh Bình Thịnh, Lâm Trung Thủy, Bùi La Nhân, Tân Dân, An Dũng, Đức Đồng, Tùng Châu	7	105	7	105	
11	Hương Sơn	Hỗ trợ HTX XD-MT H&Q và HTX DV VSMT thị trấn Tây Sơn vận hành mô hình ủ rác ở thị trấn Phố Châu và thị trấn Tây Sơn	2	30	2	30	
12	Hương Khê	Hỗ trợ tổ vệ sinh môi trường các xã Hương Trạch và Lộc Yên quản lý mô hình hố ủ ở xã Hương Trạch và Lộc Yên	2	30	2	30	
13	Vũ Quang	Không đăng ký				0	
	Tổng cộng		53	795	34	510	

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ MUA THÙNG CHUYÊN DỤNG GOM RÁC TẠI CÁC TRẠM TRUNG CHUYÊN/ĐIỂM TẬP KẾT CTR SINH HOẠT

(Kèm theo công văn số...../STNMT-MT ngày / /2023 của Sở TN và MT)

Mức hỗ trợ: 50% kinh phí mua thùng chuyên dụng gom rác, tối đa không quá 20 triệu đồng/trạm trung chuyên, điểm tập kết rác

DVT: triệu đồng

STT	Huyện	Đăng ký của địa phương			Kết quả rà soát		
		Đối tượng đăng ký hỗ trợ	Số lượng	Kinh phí đề xuất	Số lượng	Kinh phí sau rà soát	Ghi chú
1	Kỳ Anh	Hỗ trợ 5 HTX mua thùng gom rác tại các điểm tập kết/trạm trung chuyên ở 20 xã	20	400	20	400	Đã nêu cụ thể trong văn bản của huyện
2	TX Kỳ Anh	Không đăng ký					
3	Cẩm Xuyên	Không đăng ký					
4	TP Hà Tĩnh	Không đăng ký					
5	Thạch Hà	Không đăng ký					
6	Can Lộc		18	360			Chưa làm rõ đối tượng (HTX/tổ đội nào, quản lý các điểm trung chuyên/tập kết nào). Huyện không có VB đăng ký lại khi Sở TNMT có VB đề nghị rà soát
7	Lộc Hà	Không đăng ký					
8	TX Hồng Lĩnh	Kinh phí mua thùng chuyên dụng cho Đội VSMT Đức Thuận, HTX VSMT Thuận Lộc và HTX Quỳnh Lương	3	60	3	60	
9	Nghi Xuân	Tổ vệ sinh môi trường các xã Xuân Lĩnh, Xuân Phổ, Xuân Lam	3	60	3	60	
10	Đức Thọ	Không đăng ký					

STT	Huyện	Đăng ký của địa phương			Kết quả rà soát		
		Đối tượng đăng ký hỗ trợ	Số lượng	Kinh phí đề xuất	Số lượng	Kinh phí sau rà soát	Ghi chú
11	Hương Sơn	20 HTX Môi trường quản lý các điểm trung chuyển, điểm tập kết các điểm tập kết rác tại các xã: Sơn Châu, Sơn Bình, Tân Mỹ Hà, Sơn Trà, Sơn Long, Sơn Ninh, An Hòa Thịnh, Sơn Trung, Sơn Phú, Sơn Bằng, Kim Hoa, Quang Diệm, Sơn Tây, Sơn Lĩnh, Sơn Hồng, Sơn Tiến, Sơn Lễ, Sơn Lâm, thị trấn Phố Châu, thị trấn Tây Sơn.	20	400	20	400	
12	Hương Khê	HTX/Tổ vệ sinh môi trường quản lý điểm thu gom rác tại 11 xã: Hương Trạch, Lộc Yên, Hương Giang, Hà Linh, Phúc Đồng, Hào Hải, Phú Gia, Hương Vĩnh, Hương Xuân, Phú Phong, Hương Trà	11	220	11	220	
13	Vũ Quang	HTX Môi trường các xã, thị trấn: Ân Phú, Đức Giang, Đức Lĩnh, Đức Bồng, Đức Liên, Đức Hương, Quang Thọ, Thọ Điền, Hương Minh, thị trấn Vũ Quang	10	200	10	200	
Tổng cộng			85	1700	67	1340	

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ MUA CHẾ PHẨM SINH HỌC TẠI CÁC TRẠM TRUNG CHUYÊN/ĐIỂM TẬP
KẾT CTR SINH HOẠT

(Kèm theo công văn số...../STNMT-MT ngày / /2023 của Sở TN và MT)

Mức hỗ trợ: 10 triệu đồng/năm/trạm trung chuyên, điểm tập kết rác

ĐVT: triệu đồng

STT	Huyện	Đăng ký của địa phương			Kết quả rà soát		
		Đối tượng đăng ký hỗ trợ	Số đối tượng đăng ký mua chế phẩm khử mùi	Kinh phí đề xuất	Số đối tượng hưởng	Kinh phí sau rà soát	Ghi chú
1	Kỳ Anh	Hỗ trợ 5 HTX chế phẩm khử mùi tại các điểm tập kết/trạm trung chuyên ở 20 xã	20	200	20	200	Đã cụ thể tại VB kèm theo
2	TX Kỳ Anh	Không đăng ký					
3	Cẩm Xuyên	Hỗ trợ 60 điểm trung chuyên trên địa bàn	60	600		0	Chưa làm rõ đối tượng hỗ trợ (HTX/tổ đội nào, quản lý điểm trung chuyên/tập kết nào?)
4	TP Hà Tĩnh	Không đăng ký					
5	Thạch Hà	Các HTX/Tổ, đội vệ sinh môi trường quản lý các trạm trung chuyên, điểm tập kết ở các xã (Nam Điền 2 điểm, Tân Lâm Hương 3, Thạch Đài 1, Lưu Vĩnh Sơn 1, Thạch Xuân 1, Thạch Ngọc 1, Thị trấn 1, Việt Tiến 2, Thạch Sơn 1, Thạch Kênh 1, Thạch Liên 1, Đỉnh Bàn 2, Thạch Khê 3, Thạch Hải 5, Thạch Lạc 1, Thạch Trị 1, Thạch Văn 1, Thạch Hội 1, Tượng Sơn 1)	30	300	30	300	
6	Can Lộc	HTX Môi trường	18	180			Chưa làm rõ đối tượng (HTX/tổ đội nào, quản lý điểm trung chuyên/tập kết nào?). Huyện không có VB đăng ký lại khi Sở TNMT có VB đề nghị rà soát
7	Lộc Hà	Không đăng ký					

8	TX Hồng Lĩnh	Không đăng ký					
9	Nghi Xuân	Tổ vệ sinh môi trường các xã Xuân Lĩnh, Xuân Phổ, Xuân Lam, Thị trấn Tiên Điền, Xuân Viên, TT Xuân An	6	60	6	60	
10	Đức Thọ	HTX môi trường được giao quản lý trạm trung chuyển/điểm tập kết tại các xã Thanh Bình Thịnh, Lâm Trung Thủy (2 điểm), Bùi La Nhân, Tân Dân, Liên Minh, Trường Sơn, Thị trấn Đức Thọ (2 điểm), Quang Vĩnh, Tùng Ảnh, An Dũng.	12	120	12	120	
11	Hương Sơn	22 HTX Môi trường quản lý các điểm trung chuyển, điểm tập kết các điểm tập kết rác tại các xã, thị trấn: Sơn Châu, Sơn Bình, Tân Mỹ Hà, Sơn Trà, Sơn Long, Sơn Ninh, AN Hòa Thịnh, Sơn Trung, Sơn Phú, Sơn Bằng, Kim Hoa, Sơn Trường, Sơn Hàm, Quang Diệm, Sơn Tây, Sơn Lĩnh, Sơn Hồng, Sơn Tiến, Sơn Lê, Sơn Lâm, thị trấn Phố Châu, thị trấn Tây Sơn.	22	220	22	220	
12	Hương Khê	Tổ vệ sinh môi trường quản lý 7 điểm thu gom rác tại các xã Hương Trạch, Lộc Yên, Hương Giang, Phúc Trạch, Phú Phong, Điền Mỹ, Hương Vĩnh	7	70	7	70	
13	Vũ Quang	HTX Môi trường các xã, thị trấn: Ân Phú, Đức Giang, Đức Lĩnh, Đức Bồng, Đức Liên, Đức Hương, Quang Thọ, Thọ Điền, Hương Minh, thị trấn Vũ Quang	10	100	10	100	
	Tổng cộng		185	1,850	107	1070	

DANH SÁCH HTX ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ MUA XE CUỐN ÉP RÁC
(Kèm theo công văn số...../STNMT-MT ngày / /2023 của Sở TN và MT)

Mức hỗ trợ: - Đối với xe thứ nhất: 50% kinh phí mua xe tối đa không quá 700 triệu đồng/xe/hợp tác xã
- Đối với xe thứ 2: 40% kinh phí mua xe tối đa không quá 500 triệu đồng/xe/hợp tác xã

DVT: triệu đồng

STT	Huyện	Đăng ký của địa phương				Kết quả thẩm định của Sở TNMT		
		HTX được hỗ trợ	Phạm vi phục vụ	Số lượng xe	Kinh phí đề xuất hỗ trợ	Số lượng đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ tối đa	Ghi chú
1	Kỳ Anh	Hỗ trợ xe thứ 2 cho 3 HTX (HTX Môi trường và quản lý đô thị huyện Kỳ Anh; HTX NN và DV MT Vũ Phong; HTX dịch vụ tổng hợp Nguyên Đạt)	Cụm 1: xã Kỳ Thọ, Kỳ Phú, Kỳ Đồng, Lâm Hợp, Kỳ Trung, Kỳ Xuân, Kỳ Giang Cụm 2: Kỳ Phong, Kỳ Khang, Kỳ Lạc, Kỳ Tây, Kỳ Thượng, Kỳ Sơn, Kỳ Bắc Cụm 3: Kỳ Văn, Kỳ Thư, Kỳ Châu, Kỳ Hải, Kỳ Tân	3	1500	2	1000	Cụm 3 không đủ điều kiện hỗ trợ (quy mô dân số cụm dưới 40.000 dân)
2	TX Kỳ Anh	Không đăng ký						
3	Cẩm Xuyên	HTX môi trường Thị trấn Thiên Cẩm (hỗ trợ xe thứ nhất)	Phạm vi phục vụ: Thị trấn Thiên Cẩm, Khu du lịch Thiên Cẩm, xã Cẩm Hà, xã Cẩm Thịnh và xã Nam Phúc Thăng	1	700	1	700	Đủ điều kiện cụm xã có quy mô dân số từ 24.000 trở lên
4	TP Hà Tĩnh	Không đăng ký						
5	Thạch Hà	Hỗ trợ xe thứ 2 cho HTX Môi trường và DV TH Thạch Vĩnh	Phục vụ 5 xã Nam Điền, Tân Lâm Hương, Thạch Đài, Thạch Xuân, Lưu Vĩnh Sơn (có quy mô dân số trên 40.000 dân)	1	500	1	500	Đủ điều kiện hỗ trợ xe thứ 2 cho cụm xã có quy mô dân số trên 40.000 dân
6	Can Lộc	Không đăng ký						
7	Lộc Hà	Không đăng ký						
8	TX Hồng Lĩnh	Không đăng ký						
9	Nghi Xuân	Không đăng ký						

STT	Huyện	Đăng ký của địa phương				Kết quả thẩm định của Sở TNMT		
		HTX được hỗ trợ	Phạm vi phục vụ	Số lượng xe	Kinh phí đề xuất hỗ trợ	Số lượng đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ tối đa	Ghi chú
10	Đức Thọ	HTX môi trường Lâm Trung Thủy (phạm vi phục vụ cụm 1) HTX môi trường Thị trấn Đức Thọ (phạm vi phục vụ cụm 2)	- Cụm 1: các xã Lâm Trung Thủy, Thanh Bình Thịnh, Yên Hồ, Quang Vĩnh (quy mô dân số 31.831 người); -' Xe 02: HTX môi trường thị trấn cụm các xã Trường Sơn, Liên Minh, Hòa Lạc, Bùi La Nhân (quy mô dân số 28.330 người);'	2	1400	2	1400	Cụm 1: đủ điều kiện theo quy định (phục vụ cụm xã có quy mô dân số 31.438 người) Cụm 2: Theo niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2021 thì quy mô dân số các xã ở cụm thứ 2 là 23.915 người, gần sát điều kiện theo quy định tại Nghị quyết 97.
11	Hương Sơn	HTX dịch vụ VSMT Tây Sơn (phục vụ cụm 1) và HTX môi trường và thương mại tổng hợp Sơn Châu (phục vụ cụm 2)	Cụm 1: Các xã Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, Sơn Lâm, Sơn Lĩnh, Sơn Hồng, Quang Diệm, Sơn Hàm, Sơn Châu, Sơn Trung, Sơn Trường và thị trấn Tây Sơn Cụm 2: Sơn Châu, Sơn Long, Sơn Bình, Tân Mỹ Hà, An Hòa Thịnh, Sơn Tiến, Sơn Lễ, Kim Hoa, Sơn Trà, Sơn Ninh.	2	1,400	2	1,400	Đủ điều kiện cụm xã hoạt động thu gom rác trên địa bàn 5 xã, phường, thị trấn trở lên
12	Hương Khê	Không đăng ký						
13	Vũ Quang	HTX Môi trường Hương Minh		2	1,200	2	1,200	Mua 2 xe để gom rác cho 10 xã, thị trấn trên địa bàn huyện
	Tổng cộng			11	6,700	10	6,200	

Ghi chú: Danh sách HTX do UBND các huyện, thành phố, thị xã đề xuất hỗ trợ kinh phí theo Điều 7 Nghị quyết 97/2022/NQ-HĐND đã được Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát.

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

DANH SÁCH ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG NGOÀI HÀNG RÀO

(Kèm theo công văn số...../STNMT-MT ngày / /2023 của Sở TN và MT)

Mức hỗ trợ: 50% giá trị quyết toán kinh phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng ngoài hàng rào, tối đa không quá 15 tỷ đồng/công trình

ĐVT: triệu đồng

STT	Huyện	Đăng ký của địa phương/đơn vị		Kết quả rà soát		Ghi chú
		Đối tượng đăng ký hỗ trợ	Kinh phí đề xuất hỗ trợ	Đối tượng đăng ký hỗ trợ	Kinh phí sau rà soát	
1	Kỳ Anh	Không đăng ký				
2	TX Kỳ Anh	Không đăng ký				
3	Cẩm Xuyên	Không đăng ký				
4	TP Hà Tĩnh	Không đăng ký				
5	Thạch Hà	Không đăng ký				
6	Can Lộc	Không đăng ký				
7	Lộc Hà	Không đăng ký				
8	TX Hồng Lĩnh	Không đăng ký				
9	Nghi Xuân	Không đăng ký				
10	Đức Thọ	Không đăng ký				
11	Hương Sơn	Không đăng ký				
12	Hương Khê	Không đăng ký				
13	Vũ Quang	Không đăng ký				VB 439/UBND-TNMT ngày 03/4/2023 bỏ nội dung đăng hỗ trợ công trình hạ tầng ngoài hàng rào
	Tổng cộng		0	0		